



Di sản Văn hóa Phi vật thể



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



Intangible
Cultural
Heritage

Shashmaqom - bảo tồn một di sản chung của Uzbekistan và Kajikistan

Shashmaqom là một loại hình âm nhạc cổ truyền của miền Trung Á. Truyền thống âm nhạc đô thị này đã có lịch sử phát triển trên mười thế kỷ ở các thị trấn ngày nay là hai nước Tajikistan và Uzbekistan. Nó đặc biệt gắn liền với hai thành phố Bukhara và Samarkand. Từ 'Shashmaqom' có nghĩa là '6 maqom', trong đó 'maqom' là một tổ khúc kết hợp giữa hát và nhạc đệm. Một dàn nhạc gồm đàn luyt, vi-ô-lông, trống, sáo sẽ đệm cho một hoặc nhiều ca sỹ.

Việc trình diễn Shashmaqom đòi hỏi phải được đào tạo đặc biệt, trong đó các nghệ sỹ phải trực tiếp luyện thanh, dạy hát cho học viên, bởi nếu chỉ nhìn vào khuôn nhạc thì sẽ chỉ có được những hình dung tối thiểu. Kể từ những năm 1970, nhiều nghệ sỹ Shashmaqom đã di cư tới những nơi khác. Sau khi trở thành một nước độc lập năm 1991, Tajikistan và Uzbekistan đã có những biện pháp để bảo tồn Shashmaqom, nhưng vấn đề là rất ít nghệ sỹ biểu diễn Shashmaqom còn ở lại địa phương.

Năm 2005 UNESCO đã triển khai một dự án bảo tồn kéo dài hai năm, bao gồm các chương trình đào tạo và

các khoá học cơ bản, chế tạo nhạc cụ truyền thống, lập danh mục kiểm kê, lưu trữ và xuất bản các công trình nghiên cứu cũng như tiến hành ghi âm.

Một đặc điểm của dự án này là sự phối hợp giữa Tajikistan và Uzbekistan để tổ chức 'Liên hoan quốc tế những Nghệ nhân biểu diễn Shashmaqom' tháng 11 năm 2006. Liên hoan này diễn ra ở Dushanbe, thủ đô của Tajikistan. Những màn biểu diễn của các nghệ sỹ Tajikistan và Uzbekistan đã khiến sự kiện này trở thành một cơ hội cho giao lưu văn hoá và hiểu biết lẫn nhau. Sự kiện này đã được đưa tin rộng khắp trên các phương tiện truyền thông và sau đó đã có một hội nghị bàn tròn về Bảo tồn Truyền thống Shashmaqom, quy tụ các học giả, nghệ sỹ và nhạc sỹ đến từ hai nước.

Dự án đã quy tụ được những người biểu diễn Shashmaqom của cả 2 bên biên giới, chắc chắn sẽ còn được tiếp tục. Nó cũng là xuất phát điểm cho sự ra đời của các lớp học cơ bản về biểu diễn và chế tạo nhạc cụ, trong khi công việc kiểm kê và đào tạo đã bắt đầu ở Nhạc viện Quốc gia Tajikistan tại Dushanbe và Viện Nghiên cứu Mỹ thuật ở Tashkent (Uzbekistan).



Ảnh © UNESCO

Di sản Văn hóa Phi vật thể



Đàn tanbur thường được dùng trong Shashmaqom



Ảnh © The National Commission of the Republic of Uzbekistan for UNESCO



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.

Bảo tồn các trò chơi trên ván gỗ của người Afar và Somali ở khu vực Sừng Châu Phi



Ảnh © UNESCO / Fumiko Ohinata

Di sản Văn hóa Phi vật thể

➤ Hướng dẫn chơi trò chơi truyền thống 'Ri'yo Ka Dhalis' tại lễ khởi động dự án tháng 2 năm 2007

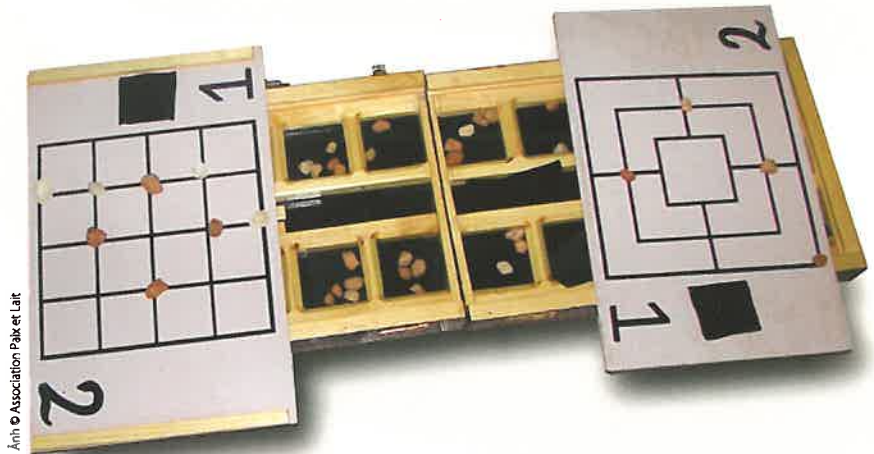
Các trò chơi truyền thống trên ván gỗ từ lâu đã là một môn giải trí quan trọng đối với những xã hội du mục thuộc khu vực Sừng Châu Phi. Việc chơi và truyền dạy các trò chơi này hiện nay đang bị đe dọa do quá trình đô thị hoá và ảnh hưởng của toàn cầu hoá.

Năm 2007, UNESCO đã triển khai một dự án nhằm khôi phục việc thực hành các trò chơi truyền thống này trong mọi lứa tuổi. Trung tâm Nghiên cứu ở Djibouti đã thực hiện các chuyến đi thực địa trong khuôn khổ dự án tại nhiều vùng khác nhau trên cả nước, phỏng vấn những người chơi am hiểu các trò chơi này và sưu tầm thông tin liên quan tới lịch sử, luật lệ và chức năng của trò chơi. Trên cơ sở nghiên cứu này, hội Paix & Lait ở địa phương đã xây dựng một bộ sách hướng dẫn, trong đó có cả những tài liệu hướng dẫn chơi các trò chơi.

Tháng 12 năm 2007, Bộ Văn hoá đã tổ chức giải đấu toàn quốc lần đầu tiên dành cho các trò chơi trên ván gỗ. 120 đấu thủ đã vượt qua các vòng đấu ở địa phương để góp mặt tại giải đấu cấp quốc gia, được các phương tiện truyền thông đưa tin rộng rãi.

Các trò chơi từ đó đã thu hút được nhiều người chơi hơn. Dựa trên bộ sách hướng dẫn nói trên, Hội Paix et Lait đã tổ chức một số hội thảo, tại Đại học Djibouti và ở các trường phổ thông thuộc nhiều địa phương khác nhau trên cả nước, trong đó những cơ thủ lão luyện sẽ truyền dạy cho học sinh, sinh viên cách chơi các trò chơi truyền thống đồng thời thảo luận các giá trị và chức

năng của việc thực hành các di sản văn hoá phi vật thể. Học sinh, sinh viên được khuyến khích chơi các trò chơi này trong các hoạt động ngoại khoá hoặc sau khi đi học về. Khi dự án kết thúc, những người tham gia dự án đã đánh giá các kết quả và thảo luận các chiến lược để đưa ra được một kế hoạch bảo tồn các trò chơi truyền thống của người Afar và Somali trên cả nước.



Ảnh © Association Paix et Lait

➤ Hộp hướng dẫn và đựng trò chơi truyền thống ở Sừng Châu Phi



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



Intangible
Cultural
Heritage

Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hoá phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá và tinh sáng tạo của con người.

Tư liệu hoá di sản âm nhạc của Hungary

Sau hơn 100 năm nghiên cứu và tư liệu hoá, một khối lượng khổng lồ các bản ghi âm và các tư liệu ảnh, âm, hình cũng như tư liệu viết về âm nhạc truyền thống đã được lưu giữ trong kho tư liệu của các nước Đông Âu. Công ước năm 2003 của UNESCO đã tạo động lực cho việc tìm hiểu những chức năng khác có thể khai thác của các kho tư liệu này ngoài những chức năng truyền thống là phục vụ nghiên cứu và giáo dục. Các tài liệu trong kho lưu trữ này đang ngày càng được sử dụng nhiều hơn để phục vụ việc khôi phục và củng cố các bài hát cũng như điệu múa truyền thống của các cộng đồng liên quan.

Viện Âm nhạc thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Hungary, cùng với các học viện đối tác ở Châu Âu, đã xây dựng một dự án có tên gọi: 'Kho Âm nhạc Mở trên Internet', cho phép công chúng được tiếp cận dễ dàng và miễn phí những kho tư liệu quý giá về âm nhạc và múa này. 'Hệ thống Bartók', một phần của trang web của viện (địa

chỉ www.zti.hu), có lưu hơn 14.000 bài dân ca và các thông tin liên quan khác do Béla Bartók, Zoltán Kodály và các đồng sự sưu tầm trong khoảng từ năm 1896 đến 1940. Kho cơ sở dữ liệu có tên 'Những Ấn phẩm về Âm nhạc' cũng trên trang web này, có chứa 6000 bài dân ca và các giai điệu khác đã từng thu thanh trong các đĩa nhựa vinyl, băng từ hoặc các thiết bị ghi âm khác trong khoảng từ 1950 tới 2000.

Công cụ tìm kiếm dành cho cơ sở dữ liệu này cũng đã có hệ thống bản đồ để giúp các cộng đồng tìm được các biểu đạt âm nhạc ngay tại khu vực của mình. Những người ghé thăm trang web có thể nghe hoặc tải về tất cả những biểu đạt âm nhạc đó. Cơ sở dữ liệu trực tuyến đã thu hút được sự quan tâm của nhiều cộng đồng đang có kế hoạch đưa tư liệu âm nhạc trước đây vào trong các chương trình giáo dục và văn hoá. Về phần mình, các thành viên trong cộng đồng lại cung cấp các tư liệu mới về các biểu đạt đương đại.



Di sản Văn hóa Phi vật thể

György Martin đang ghi âm một phụ nữ Di-gan ở Hungary hát dân ca



Ảnh © Bartók Archives of the Hungarian Academy of Sciences Institute for Musicology



Ảnh © Bartók Archives of the Hungarian Academy of Sciences Institute for Musicology

Béla Bartók đang thu thập nhạc dân gian ở Anatolia, Jürük

Béla Bartók đang chép nhạc từ máy thu âm



Ảnh © Bartók Archives of the Hungarian Academy of Sciences Institute for Musicology

Người viết: Laszlo Felföldi, Viện Âm nhạc, Viện Khoa học Hàn lâm Hungary



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.

Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể thông qua du lịch văn hoá bền vững: trường hợp của Batammariba ở Koutamakou, một Khu Di sản Thế giới của Tô-gô

Koutammakou, một không gian văn hoá ở phía Đông Bắc Tô-gô trải dài qua biên giới với Benin, là nơi cư ngụ của người Batammariba. Những ngôi nhà của họ có tháp làm bằng đất được gọi là *takyientas* (có nghĩa là 'lính gác') là một ví dụ đặc sắc về hệ thống nhà cửa truyền thống vẫn còn được bảo tồn, phát triển và cải tiến. Đây cũng là nơi các nghi thức, truyền thống và các biểu đạt có mối quan hệ gắn bó với thiên nhiên. Người Batammariba sống theo các phong tục truyền thống đã làm nên các không gian nghi thức, các dòng suối, các tảng đá, các khu rừng nhỏ hoặc nơi tiến hành nghi lễ văn hoá, ví dụ như lễ kết nạp. Một số phần của *takyientas* đóng vai trò quan trọng trong các nghi thức khác nhau và thể hiện tư tưởng của người Batammariba.

Việc Koutammakou được ghi vào Danh sách Di sản Thế giới năm 2004 đã mang lại nhiều đổi thay, và dòng người du lịch đã ồ ạt đổ về Koutammakou, gây ra sự xáo trộn đối với cuộc sống của người dân Batammariba. Năm 2007, với sự tham gia của cộng đồng Batammaribe và sự phối hợp chặt chẽ của Bộ Văn hoá và Bộ Giáo dục Tiểu học và Trung học Cơ sở của Tô-gô, UNESCO đã triển khai một dự án thí điểm kéo dài hai năm nhằm bảo tồn các di sản văn hoá phi vật thể của họ, trong đó có Litammari, ngôn ngữ của người Batammariba.

Một trong những mục đích chính của dự án là phát triển du lịch bền vững tôn trọng các truyền thống địa phương. Những nơi linh thiêng như làng Koutammakou đã được xác định trên bản đồ và in ấn nhằm ngăn du khách không lai vãng ở những khu vực linh thiêng. Một mô hình *takyinèna* đã được xây dựng để du khách có thể tìm hiểu miễn phí về môi trường của người Batammariba. Một nhóm người Batammariba cũng đã được chọn đào tạo để trở thành các hướng dẫn viên du lịch, đón tiếp du khách và giới thiệu cho họ về văn hoá của mình. Thông tin

về cách ứng xử sao cho phù hợp với các quy định văn hoá ở Koutammakou được phổ biến tới du khách, các nhà nghiên cứu và những ai muốn làm phim về người Batammariba. Những thông tin về ứng xử phù hợp văn hoá này đã góp phần giúp du khách tôn trọng tập tục địa phương hơn, đồng thời cũng tiếp tục cung cấp cho du khách những hiểu biết về sự phong phú của các di sản văn hoá phi vật thể của người Batammariba.



Di sản Văn hóa Phi vật thể



Both Ahiy © Direction des Musées, Sites et Monuments du Togo

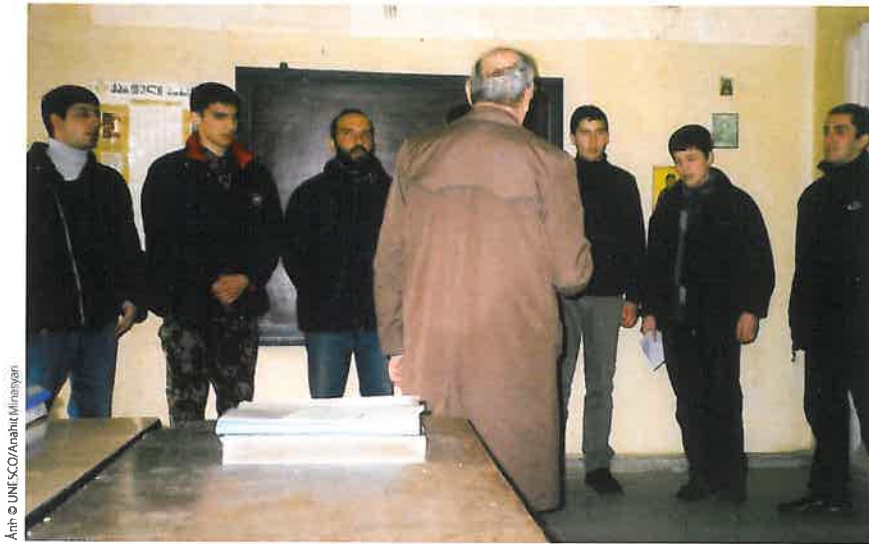
Cách làm này, nhờ biết kết hợp giữa bảo tồn cả di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, đã góp phần bảo tồn cảnh quan văn hoá của Koutammakou, đồng thời giúp cộng đồng người Batammariba tiếp tục truyền lại cho các thế hệ sau những tri thức và kỹ năng truyền thống của mình.

☞ Một người Batammariba đang làm phép trước ngôi nhà *takyientas*



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hoá phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá và tính sáng tạo của con người.

Khôi phục việc truyền dạy âm nhạc đa thanh truyền thống giữa các thế hệ của Georgia



Ảnh © UNESCO/Anahit Miranyan

Hát đa thanh, một loại hình âm nhạc gồm hai hoặc nhiều hơn hai giai điệu độc lập, là một truyền thống quý giá từng có ảnh hưởng tới tất cả các hoạt động thường ngày của người dân Georgia, từ việc cày bừa tới chữa bệnh và tổ chức lễ hội. Vài chục năm qua, truyền thống này, trước đây vốn được truyền từ cha cho con, đã có nguy cơ mai một do những khó khăn kinh tế đầu những năm 1990, ảnh hưởng tới cuộc sống của các nghệ sỹ và cản trở các nghiên cứu thực địa và tư liệu hoá. Người già cũng không thể truyền dạy di sản này cho các thế hệ sau nhiều như trước một phần vì thanh niên bỏ làng quê ra thành phố, phần khác là vì nguồn lực dành cho các hoạt động truyền dạy là rất hữu hạn.

Với sự giúp đỡ của UNESCO, một dự án đã được triển khai nhằm hỗ trợ bảo tồn âm nhạc đa thanh truyền thống. Ngoài các hoạt động nghiên cứu và ghi chép, mục đích chính của dự án này là tạo điều kiện cho các thế hệ truyền dạy các kỹ thuật hát và các truyền thống thông qua giáo dục ngoài nhà trường. Bảy Trung tâm Nhạc Cổ truyền cho Thanh niên đã được thành lập ở các khu vực khác nhau nhằm duy trì việc giới thiệu, quảng bá cho truyền thống này. Chính quyền địa phương đã cung cấp địa điểm miễn phí cho các trung tâm tương ứng. Tại mỗi trung tâm, các Nghệ nhân kỳ cựu sẽ

truyền nghề cho 10 đến 15 học viên trẻ trong thời gian ba năm. Để hỗ trợ các học viên, Trung tâm Quốc tế về Âm nhạc Dân gian Georgia (ICGFS) cung cấp tài liệu học tập giảng dạy, băng cát-sét, đĩa CD và vở chép nhạc, đồng thời tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy và cách sử dụng các thiết bị ví dụ như máy quay phim, máy chiếu video và máy chiếu giấy trong, đầu DVD và các máy ghi âm mi-ni.

Tại những Trung tâm Âm nhạc Dân gian cho Thanh niên này, khoảng 100 thanh niên đã được đào tạo về âm nhạc của địa phương, qua đó khôi phục việc truyền dạy kỹ thuật hát đang bị mai một. Bốn trên bảy Trung tâm vẫn duy trì hoạt động, nhờ nguồn quỹ của các Mạnh Thường Quân ở địa phương. Một ngôi trường dành cho việc thực hành *krimanchuli* (lối hát chuyển từ giọng trầm sang giọng kim của Georgia) cũng được xây dựng sau thành công của các Trung tâm Âm nhạc Dân gian dành cho Thanh niên, với nguồn quỹ hoạt động từ ICGFS và Giáo hội Georgia. Phần lớn học viên đã tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, ví dụ như đi dạy các bài hát theo lối đa thanh, hát ở các dàn đồng ca của nhà thờ, và thành lập các nhóm 'diễn tấu' nhỏ chuyên biểu diễn các bài hát địa phương tại các sự kiện xã hội cũng như trên sân khấu. Một ảnh hưởng lâu dài nữa của dự án là việc lối hát đa thanh truyền



Ảnh © Peter de Groot

Di sản Văn hóa Phi vật thể

Ca sĩ hát đa thanh ở Georgia

thống của Georgia đã được đề xuất đưa vào chương trình học trên toàn quốc, do chính những học viên tốt nghiệp từ các Trung tâm giảng dạy.

Những thành công này đã góp phần nâng cao nhận thức về giá trị của việc bảo tồn truyền thống này nói riêng và di sản văn hoá phi vật thể nói chung. Dự án thành công được là nhờ có sự phối hợp đầy sáng tạo giữa nhiều bên liên quan, và đã trở thành một hình mẫu cho các hoạt động liên quan tới di sản khác.



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hoá phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá và tính sáng tạo của con người.

Diễn đàn ngoài trời về di sản văn hoá phi vật thể và việc giải quyết xung đột ở Kenya (9 tháng 12 năm 2008, Kakamega)



Ảnh © UNESCO



Ảnh © UNESCO

Di sản Văn hóa Phi vật thể

Tây Kenya là quê hương của nhiều cộng đồng thuộc nhóm ngôn ngữ lớn thứ hai của nước này, được gọi là nhóm Luhya. Trong một thời gian rất dài, các cộng đồng Luhya đã chung sống hoà bình với nhau và với các cộng đồng lân cận, trong đó có người Luo và người Kalenjin, cũng như với các nhóm người sống dọc theo biên giới Uganda như người Teso, người Sabaot và các cộng đồng Samia. Lý do tại sao khu vực đôi khi được gọi là 'miền đất của hoà bình' này ít gặp phải xung đột như vậy có lẽ là vì nhờ có các tập quán văn hoá và cơ chế truyền thống mà qua đó người Luhya và các cộng đồng láng giềng đã dựa vào để giải quyết bất đồng.

Tuy nhiên gần đây, Kenya bỗng trở thành một khu vực dễ xảy ra căng thẳng xuất phát từ cuộc khủng hoảng sau cuộc bầu cử tổng thống tháng 12 năm 2007. Bạo lực đã khiến hơn 1,000 người thương vong và khoảng 350,000 người Kenya bị mất nhà cửa. Các thị trấn lớn ở Tỉnh Miền Tây đã phải đối mặt với nạn hôi của, các công trình bị tàn phá và người dân bị mất nơi cư ngụ.

Mặc dù tình hình đã lắng xuống sau khi một chính phủ liên hợp được thành lập đầu năm 2008, nhưng một bầu không khí của sự hoài nghi và căng thẳng vẫn bao trùm nhiều tiểu cộng đồng trong Luhya. Với mục đích góp phần hoà giải các cộng đồng này, Bộ Văn hoá, Bảo tàng Quốc gia Kenya và UNESCO đã phối hợp với các cộng đồng ở Tây Kenya để tổ chức một diễn đàn ngoài trời ở Kakamega để quảng

bá giới thiệu các di sản văn hoá phi vật thể được coi là có khả năng ngăn chặn và giải quyết xung đột.

Hoạt động này được thiết kế trên tinh thần của Công ước 2003 Bảo vệ Các Di sản Văn hoá Phi vật thể mà Kenya đã phê chuẩn tháng 10 năm 2007. Công cụ pháp lý quốc tế này, ngay trong lời mở đầu, đã thừa nhận 'vai trò vô giá của di sản văn hoá phi vật thể trong việc đưa các cộng đồng người xích lại gần nhau và đảm bảo giữa họ luôn có sự trao đổi và hiểu biết lẫn nhau.'

Diễn đàn ngoài trời này được tổ chức vào ngày 9 tháng 12 năm 2008 ở Vườn Muliro thuộc thị trấn Kakamega. Hơn 25 cộng đồng, với đại diện là các tộc trưởng, đã tham gia vào sự kiện này. Xung quanh vườn người ta dựng các lều nhỏ giới thiệu các loại thảo dược, các cách nấu nướng ẩm thực truyền thống (ví dụ như gia vị, thành phần, đồ ăn, thi xay thịt), và các sản phẩm thủ công với nội dung là hoà giải dân tộc. Sau đó mỗi nhóm được mời biểu diễn - nhảy múa, ca hát và diễn các đoạn trích sân khấu - ngay tại thực địa và tạo thành một vòng tròn lớn. Các nghệ sỹ cũng giao lưu với một lượng khán giả đông đảo, khoảng 8,000 đến 9,000 người.

Sự kiện này vinh dự có sự góp mặt của Thư ký Thường trực của Bộ Ngoại giao phụ trách các Vấn đề Văn hoá và Di sản Dân tộc và Tỉnh trưởng của Tỉnh Miền Tây. Ngoài ra, một nhóm người Maasai (một bộ tộc du cư sống ở Tỉnh Rift Valley lân

cận, trải dài tới tận Cộng hoà Tanzania ở phía Nam) và người Tessa (đại diện cho các cộng đồng lân cận sống ở hai bên biên giới Kenya và Uganda) cũng đã được mời tham gia diễn đàn ngoài trời này, với tư cách là các quan sát viên và trung gian hoà giải. Người Kalenjin và người Luo, những dân tộc láng giềng của người Luhya, cũng góp mặt.

Người xem đã được chứng kiến nhiều biểu tượng của giải quyết xung đột và hoà giải, ví dụ như trao đổi quà tặng (đá, vải và đồ trang trí), cùng nhau dùng các ống rơm dài hút uống loại rượu *Busaa* được chưng cất ở địa phương, chào hỏi và làm quen giữa các nhóm, chia sẻ đồ ăn thức uống, trò chuyện rất nhiều về cây hoà bình *milembe* và *murembe*, và cùng nhau hát các bài hát quen thuộc.

Trong quá trình chuẩn bị cho sự kiện này, Bộ Văn hoá đã đứng ra tổ chức các cuộc tiếp xúc trao đổi ý kiến trong từng nhóm và giữa các nhóm với nhau. Diễn đàn ngoài trời này được nhiều người coi là một cách phù hợp và vui vẻ để khép lại quá trình hoà giải. Trong diễn đàn này, một trong các tù trưởng đã thông báo

rằng chợ gia súc của địa phương ở Núi Elgon và huyện Bungoma sẽ được mở trở lại sau một thời gian bị gián đoạn bởi các cuộc bạo động sau bầu cử, qua đó thể hiện các cộng đồng liên quan đã bắt đầu quá trình hoà giải với nhau.

Diễn đàn ngoài trời cũng là một cơ hội để thông báo cho công chúng trong vùng về những tiến bộ đã đạt được trong việc kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể ở Tỉnh Miền Tây. 44 đại diện, tù trưởng và trợ tá đã cùng ngồi lại với nhau, như là một phần của quá trình chuẩn bị cho diễn

đàn ngoài trời trong nửa sau của tháng 11 năm 2008, để cùng bàn luận về Công ước năm 2003 và xác định các di sản văn hoá phi vật thể nào là quan trọng đối với cộng đồng của họ. Tính đến nay, một số giá trị được xác định bao gồm các tập tục và nghi lễ liên quan tới sinh đẻ, ma chay, cưới xin, thực phẩm và nghệ thuật nấu nướng, đồ uống, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật quản lý, kiến trúc, các loại thực vật và suối nước có khả năng chữa bệnh, cũng như các truyền thống và các ngôn ngữ được truyền khẩu.



Ảnh UNESCO

Di sản Văn hóa Phi vật thể

Chương trình xoá mù chữ thông qua việc dạy văn thơ truyền khẩu truyền thống: trường hợp của phụ nữ nông thôn ở Yemen

Cải thiện khả năng đọc viết của phụ nữ từ lâu đã là một mối quan tâm lớn ở Yemen. Các lớp học xoá mù chữ đã ra đời dành cho phụ nữ của đất nước này, nhưng thành công vẫn còn rất ít ỏi. Một cuộc điều tra được tiến hành nhằm tìm hiểu tại sao dự án không đạt được kết quả cụ thể đã phát hiện ra nguyên nhân chính là những gì được giảng dạy không phù hợp với cuộc sống hàng ngày của những người phụ nữ này. Chính vì thế, khoá học đã không làm họ hứng thú. Các môn học, với quan điểm thúc đẩy việc biết chữ và coi đó như một công cụ để phát triển, dường như ủng hộ phát triển kinh tế hiện đại hơn là các hoạt động chăn nuôi đánh bắt truyền thống. Phụ nữ tham gia các lớp học nay thấy thất vọng bởi những tri thức và kỹ năng truyền thống của họ trong lĩnh vực nông nghiệp thường không được coi trọng.

Để động viên và duy trì sự quan tâm của họ đối với việc học đọc, học viết, khoá học bắt đầu chuyển sự tập trung sang loại hình thơ truyền khẩu. Một chương trình mới có tên là 'Xoá mù chữ bằng thơ' đã ra đời. Chương trình này xuất phát từ vai trò quan trọng của thơ ca trong xã hội Yemen, nơi người dân thường dùng những bài về hay những câu văn vần để thể hiện thái độ, tình cảm của họ. Chẳng

hạn, phụ nữ Yemen thường tự sáng tác và hát những bài hát do mình sáng tác khi đang làm việc nhà hoặc làm đồng. Đầu tiên, chương trình khuyến khích phụ nữ chia sẻ những chủ đề họ quan tâm. Những người phụ nữ này tự nghĩ ra các bài thơ, câu tục ngữ và ghi lên một tờ giấy khổ lớn treo trên tường. Sau đó những gì họ nói được ghi lại thành chữ viết để qua đó phụ nữ có thể nhận biết chữ cái, rồi tiến đến biết đọc. Những chữ viết tay đó lại được đánh máy để giúp phụ nữ học đọc thông qua chính những gì họ viết ra. Không lớp nào giống lớp nào, bởi tài liệu giảng dạy được thiết kế theo từng đối tượng học viên. Cuối chương trình, mỗi học viên được nhận một bộ tài liệu gồm tất cả những gì chính họ đã viết nên.

Dự án thí điểm này đã thu được những kết quả rất đáng kể. Tỷ lệ bỏ học thấp, tỷ lệ thành công cao: 72% số học viên giai đoạn đầu và 63% giai đoạn hai đã đọc, viết được, và gần như tất cả đều bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục đi học. Một hiệu quả lớn hơn của chương trình là đã khiến phụ nữ được người thân trong gia đình tôn trọng hơn và nói chung cộng đồng đã quan tâm nhiều hơn tới việc giáo dục phụ nữ trưởng thành. Các học viên nữ đã bắt đầu tham gia tích cực vào

các cuộc bầu cử toàn quốc, viết thơ về nhiều vấn đề xã hội khác nhau, một số người còn sáng tạo ra các thể thơ mới. Thành công của chương trình này đặc biệt quan trọng bởi truyền thống thơ nữ, vốn thường được hát lên, đang ngày càng bị đe dọa dưới tác động của phim ảnh và báo đài hiện đại cũng như thái độ bảo thủ kiểu mới khiến những bài ca, chuyện kể truyền thống của phụ nữ bị mất đi nhiều giá trị.

'Xoá mù chữ bằng thơ ca' là một ví dụ điển hình về một dự án đã biết sử dụng các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu để khiến người học, đặc biệt là phụ nữ, quan tâm hơn tới việc đi học, qua đó góp phần khôi phục và bổ sung giá trị của các truyền thống truyền khẩu đang bị đe dọa.

Để biết thêm thông tin, xin mời truy cập trang :

www.najwaadra.net/literacy.html

Thông tin được cung cấp bởi Najwa Adra



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hoá phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá và tính sáng tạo của con người.

Chương trình ba năm nhằm thu hút sự quan tâm chú ý đối với các di sản sống ở Colombia

Với hơn 700 lễ hội truyền thống, hội họa và khoảng 67 ngôn ngữ cùng phương ngữ đã tồn tại qua nhiều khó khăn như di cư cưỡng bức, xung đột vũ trang và suy thoái môi trường, các di sản văn hoá của Colombia thuộc dạng phong phú nhất ở Mỹ La tinh. Sự phong phú này cũng không có gì quá ngạc nhiên nếu chúng ta biết rằng Colombia có tới 83 nhóm dân cư khác nhau và nhiều cộng đồng gốc Phi. Ý thức được vai trò của di sản văn hoá phi vật thể đối với việc thúc đẩy sự sáng tạo, chấp nhận sự khác biệt và duy trì hoà bình, năm 2002, UNESCO đã hỗ trợ một chiến dịch toàn quốc nhằm giúp các cộng đồng, các tổ chức tình nguyện và các tổ chức khoa học cũng như cơ quan chính phủ ý thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể của Colombia.

Với các hoạt động trên nhiều mặt trận, dự án đã:

- Thành lập được Ủy ban Di sản Văn hoá Phi Vật thể (2004), một cơ quan tư vấn cho Bộ Văn hoá Colombia, hỗ trợ Bộ trong việc xây dựng chính sách và xác định cụ thể các tiêu chí để một di sản được ghi vào danh sách di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.
- Phát sóng ba chương trình TV trên các kênh truyền hình quốc gia và khu vực, gửi khoảng 40 thông điệp tới khoảng 200 các đài phát thanh công cộng hoặc thương mại của khu vực - đồng thời phát động một chiến dịch quảng cáo trên các tờ báo chính. Có hẳn một chiến lược truyền thông dựa trên chủ đề 'Bạn là ai' để nâng cao nhận thức cho công chúng, nhất là giới trẻ Colombia, về tầm quan trọng của việc bảo vệ tính đa dạng văn hoá của đất nước.
- Tổ chức năm hội thảo khu vực nhằm kêu gọi các cộng đồng, các cán bộ văn hoá, những nhóm dân cư bản địa và các chuyên gia giáo dục và truyền thông tham gia tích cực hơn vào việc bảo tồn di sản.
- Tổ chức Cuộc Gặp mặt Quốc gia Lần

thứ nhất đối với các di sản văn hoá ở Medellin (tháng 9 năm 2005), qua đó góp phần xây dựng được các mạng lưới trên toàn quốc và kêu gọi các nhà hoạch định chính sách ủng hộ việc phê chuẩn Công ước.

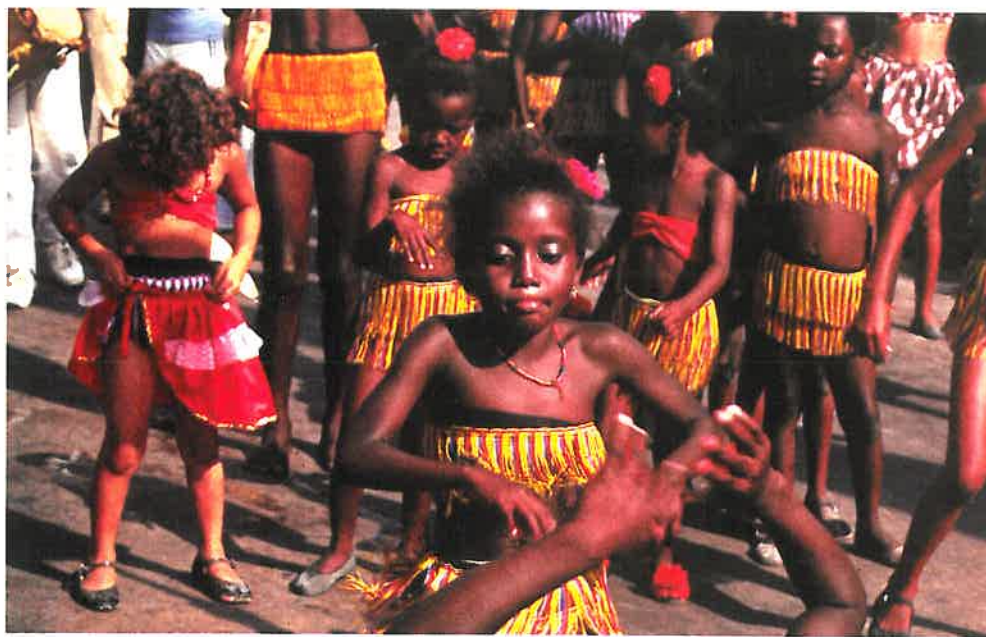
- Xuất bản một cuốn sách giáo dục và một tài liệu hướng dẫn về các phương pháp xây dựng danh mục kiểm kê các di sản văn hoá phi vật thể đầu tiên của Colombia (RIPIC) cũng như thiết kế một cơ sở dữ liệu tương thích với các hệ thống quốc gia hiện nay, góp phần kiểm tra các dự án thử nghiệm danh mục kiểm kê (ví dụ như các điệu nhạc, điệu múa truyền thống ở vùng Magdalena).
- Xây dựng một website để tuyên truyền phổ biến các thông điệp nhằm nâng cao nhận thức cũng như các thông tin phù hợp khác (các đường dẫn, các danh mục tài liệu tham khảo, thông tin về danh mục kiểm kê di sản) cho chính phủ và các cơ quan chính thức khác.



Ảnh © Enrique García

Di sản Văn hóa Phi vật thể

🎭 Lễ hội Carnival ở Barranquilla



Ảnh © Ministry of Culture of the Republic of Colombia

Nhìn chung, dự án đã đạt được các mục tiêu chính của mình như thu hút sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan vào các công tác bảo tồn và kêu gọi sự ủng hộ của các nhà hoạch định chính sách và các quan chức đối với việc bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể.



Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.

Tư liệu hoá và khôi phục giá trị rối Thảm Rộc ở Việt Nam



Ảnh: La Cong Y / Viet Nam Museum of Ethnology

Ngoài nghệ thuật rối nước đặc sắc của mình, Việt Nam còn có một số loại hình rối địa phương khác ít được biết tới. Một trong những truyền thống rối đó là rối que của dân tộc Tày ở thôn Thảm Rộc tỉnh Thái Nguyên, phía bắc Hà Nội. Tồn tại qua ít nhất năm đời, loại rối này đã không được trình diễn trong nhiều thập kỷ cho tới khi Bảo tàng Dân tộc Việt Nam đặt mua một bộ rối để phục vụ mục đích sưu tầm trưng bày năm 1997. Nhờ đó, gười dân thôn Thảm Rộc bắt đầu mơ tới một ngày lại được thấy rối của mình biểu diễn trở lại.

La Công Ý, một chuyên gia nghiên cứu về bảo tàng đồng thời cũng là người dân tộc Tày đã đề xuất Trung tâm nghe nhìn của bảo tàng làm một bộ phim về truyền thống rối này. Bảo tàng đã kêu gọi tài trợ từ Văn phòng Quỹ Ford tại Hà Nội, và các cán bộ của bảo tàng ngay sau đó đã được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ tư liệu hoá và biên tập. Năm 1999, nhóm cán bộ này cũng đã về Thảm Rộc công tác.

Một khó khăn có thể thấy ngay là người dân thôn Thảm Rộc không còn biểu diễn loại hình rối này, bởi theo làn sóng cách mạng những năm 1950, nó bị coi

như dấu vết của một trò dị đoan. May thay họ chưa vứt rối đi mà chỉ đóng thùng và cất lên gác mái trong nhà của một già làng. Tuy nhiên, các nghệ nhân của loại rối truyền thống này giải thích cho đoàn làm phim rằng người dân trong thôn không muốn mang rối ra cho mọi người xem bởi họ sợ xúc phạm tới thần hộ mệnh của rối. Họ phải làm lễ cúng tế thần linh rối mới dám mở thùng lấy rối ra biểu diễn.

Nhờ bộ phim này, các con rối cuối cùng đã được hồi sinh và được mọi người chú ý. Bộ phim cần có một điểm nhấn, và nếu điểm nhấn đó chính là một buổi biểu diễn Rối Tày ở Thảm Rộc sau hàng mấy chục năm thì còn gì bằng? Vậy là dân làng hăng say chuẩn bị, cha dạy con, ông dạy cháu (lần đầu tiên các cháu gái cũng được truyền nghề) – cách điều khiển rối và đọc các lời văn cổ khi biểu diễn. Buổi biểu diễn để bảo tàng ghi hình không phải là lần biểu diễn duy nhất. Thành công của nó đã khiến các nghệ nhân rối Thảm Rộc tiếp tục biểu diễn trong một số dịp khác tại tỉnh nhà và tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam ở Hà Nội. Như ông Nguyễn Văn Huy, nguyên giám đốc Bảo tàng cho biết: 'Các kỹ thuật điều khiển rối

Học múa rối que ở Thảm Rộc, Việt Nam.

Di sản Văn hóa Phi vật thể

truyền thống đã được khôi phục ... và sự gắn bó giữa người dân trong cộng đồng đã được tăng cường; tất cả chỉ qua một dự án tư liệu hoá.

Ngân hàng tiền truyền thống ở Vanuatu

Ở Vanuatu, những thứ như nanh lợn, thảm dệt hay vòng vỏ ốc lâu nay vẫn thường được coi là có giá trị văn hoá. Chúng còn có giá trị kinh tế vì chúng góp phần phát triển nền kinh tế địa phương và làm nên địa vị xã hội của con người.

Năm 2004, Trung tâm Văn hoá Vanuatu (gọi tắt là VKS) triển khai một dự án với mục tiêu tăng cường và phổ biến một hệ thống ngân hàng dựa trên các đồ vật quý giá truyền thống thay cho loại tiền thông thường. Với sự hỗ trợ của UNESCO, những 'điều tra viên thực địa' tự nguyện của VKS (vốn là những người thuộc cộng đồng địa phương có nguyện vọng tham gia dự án), đã được cung cấp các vật dụng như hàng rào ngăn lợn hay dây thép gai để đảm bảo họ có thể tồn tại được trong nền kinh tế địa phương và họ phải trả bằng các vật dụng truyền thống có giá trị. Điều này có tác dụng khuyến khích việc sản xuất các đồ dùng truyền thống có giá trị, tạo thêm thu nhập và động viên mọi người khôi phục các giá trị và tập tục truyền thống của Vanuatu.

Một cuộc khảo sát thực địa đã xác định được các cộng đồng phù hợp với mô hình ngân hàng truyền thống. Người ta đã đưa ra các chiến lược nhằm thúc đẩy việc sản xuất và giao dịch bằng các loại vật dụng giá trị khác nhau. Một chiến dịch quốc gia cũng đã được triển khai nhằm nâng cao nhận thức của mọi người về các chức năng và giá trị của cách làm kinh tế truyền thống. Chính phủ Vanuatu đã tuyên bố năm 2007 là 'Năm Kinh tế Truyền thống'. Điều này giúp củng cố các loại kinh tế truyền thống – và việc bảo vệ tri thức, kinh nghiệm liên quan trong các chính sách của chính phủ. Dự án đã thành công khi thu hút được cả các già làng trưởng bản lẫn các đại diện chính phủ. Để nhân rộng được dự án này trên phạm vi cả nước, VKS đã biết tận dụng mạng lưới các điều tra viên thực địa độc đáo của mình – đây là mạng lưới lớn và sâu rộng nhất ở Vanuatu, và cũng là mạng lưới văn hoá cơ sở hoạt động có hiệu quả nhất ở Thái Bình Dương.



Ảnh © Kirk Huffman

☞ *Trưởng đảo Paul Tahi Hubwehubwen Vanua ở đảo Pentecost, Chủ tịch Hội đồng Quốc gia Malvatumauri, đang đeo sừng lợn, chiếc 'Bari memea' và vòng hạt 'Homu.' Ảnh chụp ở Port Vila vào tháng 9 năm 2004.*

Di sản Văn hóa Phi vật thể

☞ *Lễ chính thức tuyên bố 'Năm Kinh tế Truyền thống' do Chính quyền Vanuatu phát động tại Port Vila vào ngày 18 tháng 11 năm 2006.*



Ảnh © Kirk Huffman



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



Intangible
Cultural
Heritage

Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.

Giá trị của các bản ghi âm cổ đối với xã hội ngày nay: trường hợp của Papua New Guinea

Cuối những năm 1990, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Áo trụ sở tại Viên đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Papua New Guinea đưa bộ sưu tầm các bản ghi âm ngôn ngữ và âm nhạc Papua New Guinea trong Phonogrammarchiv (kho tư liệu âm thanh) đến với độc giả. Năm 2000, Viện hàn lâm đã xuất bản được một bộ năm đĩa CD nhạc, truyện kể và các tư liệu ngôn ngữ khác cùng với một CD trình bày tư liệu dày 223 trang đã được dịch sang tiếng Anh, có bổ sung các thông tin cập nhật liên quan tới các nhà sưu tầm và giá trị của các bộ sưu tầm.

Nhà nhân học người Áo, Rudolf Poch, đã ghi lại được phần lớn các tư liệu này ở ba vùng khác nhau của New Guinea, từ năm 1904 đến năm 1906. Có cả các bản thu âm giọng nói của một thiếu niên Papua New Guinea, do Fr. Wilhelm Schimidt thực hiện năm 1907 ở châu Âu, và các bản khác được thực hiện năm 1908-1909 bởi Fr. Josef Winthuis, nhà truyền giáo đầu tiên tiến hành ghi âm thực địa tại đất nước này. CD này được phân phối tới các viện nghiên cứu và các trung tâm văn hoá ở Papua New Guinea đồng thời đưa tin trên báo, đài địa phương nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng. Tính đến nay, có rất ít người biết rằng những bản ghi âm lịch sử đó đang còn tồn tại và hầu như không mấy ai quan tâm và sử dụng những tư liệu này. Nhưng gần đây, các nhà ngôn ngữ và nghiên cứu âm nhạc đã rút ra được rất nhiều phát hiện từ việc so sánh những bản thu âm trước đây với cách nói năng hay ca hát hiện nay. Đặc biệt quan trọng là bản ghi âm đầu tiên về tiếng Tok Pisin, một loại thổ ngữ của Papua New Guinea hiện đang được sử dụng rộng rãi nhất trên cả nước.

Một số bản ghi âm đã ghi lại được các bài hát mà ngày nay không còn được biểu diễn - bởi chúng bị nhiều nhà truyền giáo cấm đoán hoặc thay thế bằng những nghi lễ du nhập từ các cộng đồng lân cận. Ngày nay những truyền thống này chỉ còn lại trong ký ức chắp vá của một số ít người. Với sự hỗ trợ của các bức ảnh chụp trong thời kỳ sưu tầm thực địa này, các bản thu âm còn góp phần khẳng định những thói

quen biểu diễn đương đại, cung cấp tư liệu làm bằng chứng chứng minh rằng một số truyền thống đang được duy trì, bảo tồn đúng cách.

Do tên tuổi của các nghệ sỹ đều được ghi lại đầy đủ nên nhiều người hiện nay được nghe lại giọng của cha ông mình. Cuối cùng, các nhóm biểu diễn ở địa phương còn sử dụng các bản thu âm để giúp những người già ở địa phương nhớ lại những kỹ thuật biểu diễn thời trẻ của họ, để rồi truyền dạy lại cho con cháu. Nếu không có những bản thu âm này làm cơ sở thì chắc chắn không thể khôi phục được những giá trị quý báu đó.

Vậy là các bản thu âm cổ, được thực hiện ở bên kia bờ đại dương, hoá ra lại có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với Papua New Guinea ngày nay. Chúng cho ta biết về những truyền thống đã bị mai một, và chúng khẳng định tầm quan trọng của truyền thống ông bà tổ tiên. Những người được thu âm đã chết từ lâu, nhưng trong nhiều khía cạnh của cuộc sống, giọng nói của họ vẫn tiếp tục là nguồn cảm hứng cho con cháu.



Ảnh © Austrian Academy of Sciences

Di sản Văn hóa Phi vật thể

☞ Người đàn ông Baifa hát trước máy ghi âm. Ảnh được chụp bởi Rudolph Pöch, ở Cape Nelson, vào ngày 12 tháng 11 năm 1905.

Người viết: Don Niles (Viện Nghiên cứu Papua New Guinea) và Dietrich Schüller (Viện Hàn lâm Khoa học Áo)



Ảnh © Rudolph Pöch / Phonogrammarchiv - Austrian Academy of Sciences

Múa dân gian Cocolo, Cộng hoà Dominica



Ảnh © Diego Félix



Ảnh © UNESCO

Di sản Văn hóa Phi vật thể

Lễ hội văn hóa Cocolo ở trên đường phố ở San Pedro de Macoris, Cộng hòa Dominica

Múa dân gian Cocolo bắt đầu xuất hiện từ giữa thế kỷ 19 trong các cộng đồng công nhân nói tiếng Anh vùng Caribe nhập cư vào Cộng hoà Dominica. Cộng đồng này vẫn duy trì được bản sắc ngôn ngữ và văn hoá riêng, và xây dựng nhà thờ, trường học, hội từ thiện và các trung tâm tương trợ của riêng họ. Các buổi biểu diễn kịch múa của họ chính là những biểu đạt văn hoá đặc sắc nhất của cộng đồng này. Kết hợp giữa vũ và nhạc, truyền thống này có nguồn gốc từ châu Phi nhưng có bổ sung một vài đặc điểm của châu Âu.

Múa Cocolo thường được biểu diễn vào các dịp Giáng sinh, Ngày Thánh Peter và các lễ hội đường phố. Các gánh hát kết hợp các chủ đề và lối biểu diễn của nhiều nền văn hoá khác nhau, bao gồm hát mừng Giáng sinh, khiêu vũ hoá trang hoặc kể lại các câu chuyện hoặc các chủ đề nổi tiếng dưới dạng các đoạn trích sân khấu, ví dụ như 'Chàng David và Gã khổng lồ Goliath', 'Moko-Yombí' hay 'Những chàng cao bồi và thổ dân da đỏ'.

Ngày nay những hậu duệ của người Cocolo đang hoà nhập rất thành công vào xã hội Dominica và sinh sống ở khắp nơi trên cả nước. Mặc dù ở nhà người già vẫn nói tiếng Anh Caribe nhưng phần lớn thanh viên của cộng đồng Cocolo đều nói tiếng Tây Ban

Nha. Kết quả là truyền thống vũ kịch Cocolo đang bị đe dọa. Chỉ có một nhóm nghệ sỹ già còn say mê nhiệt tình tham gia truyền dạy cho các thế hệ trẻ. UNESCO đã phối hợp chặt chẽ với các thành viên trong cộng đồng để xây dựng một dự án góp phần khôi phục truyền thống này. Mục tiêu của dự án là cải thiện điều kiện biểu diễn bằng cách thừa nhận, tôn vinh truyền thống này cũng như tăng hỗ trợ tài chính để giữ gìn nó.

Đặc biệt tháng 12 năm 2007 đã có một lễ hội lần đầu tiên diễn ra tại San Pedro de Macoris – cái nôi 200 năm tuổi của lịch sử Cocolo. Lễ hội này có tên là Chào Wavaberry, được đặt theo tên một bài hát truyền thống của Cocolo. Nó đã góp phần tôn vinh những đóng góp của người Cocolo cho văn hoá Dominica. Đây cũng là dịp để cộng đồng Cocolo bàn luận về những chiến lược cần thực hiện để bảo tồn các biểu đạt văn hoá của mình, và giúp nâng cao nhận thức của người dân cả nước. Một hoạt động quan trọng tiếp theo là đăng ký tư cách pháp lý cho người Cocolo, bởi về lâu dài nó đảm bảo rằng những người tiếp nối truyền thống này sẽ có một địa vị chính thức và được thừa nhận trong xã hội Dominica.



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



Intangible
Cultural
Heritage

Được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.



Di sản Văn hóa Phi vật thể



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization



Intangible
Cultural
Heritage